

BÁO CÁO
Tổng kết công tác dự giờ năm học 2016-2017

I. Khối lượng dự giờ tổng hợp:

	Năm học 2015-2016		Năm học 2016-2017	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Dự giờ có báo trước	72	46	54	51
Dự giờ không báo trước	14	16	11	13
Dự giờ tập sự (theo danh sách giảng hết tập sự)		45		38
Dự giờ thí nghiệm – thực hành	20	17	25	19

II. Đối tượng được dự giờ:

- Đối tượng được dự giờ báo trước và không báo trước tập trung vào cán bộ giảng dạy trẻ, cán bộ mới kết thúc tập sự được phân công đứng lớp.
- Năm học 2016-2017, Ban TVNVSP đã tiến hành dự giờ thí nghiệm thực hành tại các Khoa/Viện đối với các giảng viên và các cán bộ phục vụ giảng dạy.
- Đối với dự giờ tập sự: Cán bộ của Ban tư vấn NVSP tại đơn vị phối hợp với Khoa/Viện, bộ môn tổ chức thực hiện

III. Kết quả:

3.1. Có báo trước:

a. Điểm sứ phạm (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	1	1.96
Từ 3.5 – dưới 4.0	8	14.81	4	7.84
Từ 4.0 – 5.0	46	85.19	46	90.19

b. Điểm chuyên môn (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ

	(giảng viên)	(%)	(giảng viên)	(%)
Dưới 3.5	0	0	1	1.96
Từ 3.5 – dưới 4.0	1	1.85	4	7.84
Từ 4.0 – 5.0	53	98.15	46	90.19

c. Hiệu quả sử dụng phương tiện hỗ trợ giảng dạy (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	1	1.96
Từ 3.5 – dưới 4.0	4	7.41	3	5.88
Từ 4.0 – 5.0	31	57.41	18	35.29
Không đánh giá	19	35.18	29	56.87

3.2. Không báo trước:

a. Điểm sứ phạm (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	1	9.1	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	2	18.18	3	23.07
Từ 4.0 – 5.0	8	72.72	10	76.92

b. Điểm chuyên môn (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	1	9.1	0	0
Từ 4.0 – 5.0	10	90.9	12	92.31
Không đánh giá	0	0	1	7.69

c. Hiệu quả sử dụng phương tiện hỗ trợ giảng dạy (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	2	18.18	4	30.77
Từ 4.0 – 5.0	9	81.82	8	61.54

Không đánh giá	0	0	1	7.69
----------------	---	---	---	------

3.3. Thí nghiệm – Thực hành:

a. Điểm sur phạm (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	1	4	0	0
Từ 4.0 – 5.0	24	96	19	100

b. Điểm chuyên môn (theo 5 mức):

Điểm	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	1	4	0	0
Từ 4.0 – 5.0	24	96	19	100

3.4. Tập sự (theo danh sách giảng hết tập sự năm học 2016-2017)

a. Điểm sur phạm (theo 5 mức):

Điểm	Năm học 2016-2017	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	1	3.57
Từ 4.0 – 5.0	27	96.43

b. Điểm chuyên môn (theo 5 mức):

Điểm	Năm học 2016-2017	
	Số lượng (giảng viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 3.5	0	0
Từ 3.5 – dưới 4.0	0	0
Từ 4.0 – 5.0	28	100

IV. Nhận xét:

4.1. Đối với phương pháp sư phạm:

a. Ưu điểm:

- Việc kết hợp giữa phương tiện hỗ trợ giảng dạy và phương pháp truyền thống phần bảng đã được sử dụng hợp lý, đã có nhiều tiến bộ so với các kỳ trước
- Khả năng truyền đạt và tương tác với SV của các giảng viên đa phần được đánh giá cao.

b. Hạn chế:

- Một số lớp đông sinh viên, việc giao lưu giữa thầy – trò và quản lý lớp còn hạn chế
- Một số tiết giảng giáo viên chưa dành thời gian hợp lý hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu

4.2. Đối với chuyên môn

a. Ưu điểm:

- Đại bộ phận các giảng viên cũng như các cán bộ hướng dẫn thực hành được đánh giá cao về mặt chuyên môn.
- Đối với dự giờ không báo trước, đối tượng tập trung cán bộ giảng dạy trẻ mới được tuyển dụng, kết quả điểm chuyên môn khá tốt

b. Nhược điểm:

- Một số tiết giảng chưa được phát triển theo hướng mở rộng tư duy, gắn với các kiến thức thực tế. Nhiều giảng viên chưa đưa được vào bài giảng của mình những ví dụ minh họa sát thực tế, cập nhật và phù hợp với nội dung bài giảng.

4.3. Công tác tổ chức thực hiện dự giờ:

a. Ưu điểm:

- Các Viện/Khoa về cơ bản duy trì việc thực hiện dự giờ báo trước một cách đầy đủ theo kế hoạch đề ra
- Dự giờ tập sự được tiến hành đầy đủ tại các đơn vị và phù hợp với lịch trình tập sự của các giảng viên tập sự.
- Công tác dự giờ góp phần tốt trong việc làm cầu nối phản ánh yêu cầu, đòi hỏi của giảng viên, sinh viên tới các đơn vị phục vụ giảng dạy phù hợp.
- Cán bộ TVNVSP của các Khoa Viện thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, tham gia thực hiện và phối hợp với các thành viên chuyên môn thực hiện dự giờ một cách tích cực và hiệu quả.
- Trung tâm ĐBCL đã thực hiện tốt chức năng giám sát của mình với tổng số buổi kiểm tra/giám sát là 100%.
- Trung tâm ĐBCL đảm bảo tốt việc vận hành hoạt động dự giờ nói chung cũng như thực hiện điều phối dự giờ không báo trước và dự giờ TNTH. Một số thành viên của Ban TVNVSP khá tích cực trong việc tham gia dự giờ không báo trước cũng như dự giờ TNTH.

b. Hạn chế

- Cách thức đánh giá cho điểm tại một số Khoa Viện theo hướng bình quân hóa, chưa thể hiện được sự phân loại năng lực sư phạm và chuyên môn của các giảng viên.
- Một số buổi dự giờ báo trước có ít các thành viên tham dự: Viện KH&CN Nhiệt lạnh có 4 tiết thì có tới 3 tiết chỉ có 1 cán bộ Viện tham dự. Viện Kỹ thuật Hóa học có 4 tiết, mỗi tiết chỉ 1 cán bộ Viện tham dự.
- Thiếu các buổi dự giờ với đối tượng là những cán bộ giàu kinh nghiệm giảng dạy và các thành viên tham dự là các giảng viên trẻ để mang tính học hỏi, trao đổi kinh nghiệm.
- Đôi với dự giờ TN-TH, cơ sở vật chất tương đối tốt, tuy nhiên cần trang bị trang phục bảo hộ cho sinh viên khi thực hành ở phòng thí nghiệm: Viện Cơ khí, Viện CKDL, Viện ĐTVT...

V. Tham luận - Đề xuất

1. Đa số cán bộ quản lý của các Viện cho rằng dự giờ không báo trước có tính hiệu quả tích cực, cần duy trì và tăng số lượng trong năm học tới. Tuy nhiên cần mở đối tượng dự giờ không báo trước. Nên bổ sung các đối tượng nào?
2. Tiết giảng tập sự có thể thêm thành phần Ban TVNVSP của Trường. Thành phần giám sát dự giờ báo trước ở một số Viện sẽ có thể có thêm thành viên Ban TVNVSP của Trường cùng đánh giá tiết dự giờ. Điều này dự tính sẽ được bổ sung trong quy định dự giờ trong năm học tới.
3. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống mẫu biểu đánh giá: thí nghiệm thực hành, biểu mẫu đánh giá dự giờ tập sự (thêm phần đánh giá PTHTGD). Dự tính đến trước Kỳ I năm học 2017-2018 sẽ hoàn thiện.
4. Hiệu chỉnh lại biểu mẫu đánh giá dự giờ báo trước và phiếu phản hồi của sinh viên cho phù hợp yêu cầu mới và bám sát hơn các phạm trù đánh giá. Biên bản dự giờ sẽ có phần ghi lại nhận xét của các thành viên tham gia góp ý trong buổi dự giờ đó.
5. Gắn kết việc đánh giá dự giờ vào KPI cá nhân vì bản chất đây là một nội dung vừa phản ánh năng lực, vừa phản ánh kết quả thực hiện công việc của giảng viên. Tùy theo hệ thống KPI được thiết lập sẽ có các hệ điểm đánh giá giảng viên được dự giờ tương ứng.
6. Cần có cách thức để chia sẻ thông tin giữa Ban TVNVSP (đại diện là TT ĐBCL) với phòng Thanh tra Pháp chế, mảng thanh tra giảng đường, trong việc cập nhật nhanh chóng, tức thì thông tin những giảng viên cần được dự giờ không báo trước.

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Ban TVNVSP ;
- Lưu :ĐBCL.

TM. BAN TVNVSP

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Cao Xô Linh